TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/DS-ST
Ngày: 04 – 9 – 2025
V/v Tranh chấp nợ hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Trang Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Bà Lê Ngọc Kiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Trường, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 86/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc "*tranh chấp nợ hụi*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Đ**, sinh năm 1974. CCCD số 095174009722.

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp N, xã H, tỉnh Cà Mau), (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Lê Quang T**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

2.2. Bà **Võ Ngọc Đ1**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã C, tỉnh Cà Mau).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Đồng Thanh T1**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp N, xã H, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2025 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị Đ trình bày: Vào ngày 10/9/2022 (dương lịch), vợ chồng bà Võ Thị Đ, ông Đồng Thanh T1 có mở dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần vào ngày 10 hàng tháng, hụi mãn ngày 10/5/2025 (dương lịch). Hụi có 33 chưng, vợ chồng ông Lê Quang T, bà Võ Ngọc Đ1 tham gia 02 chưng và đã hốt hết. Cụ thể:

Chưng hụi thứ nhất, ông T và bà Đ1 đóng được 11 kỳ hụi chết, đến kỳ hụi thứ 12 (ngày 01/8/2023) bỏ hụi 300.000 đồng và hốt với số tiền 25.200.000 đồng (11 kỳ hụi chết 11.000.000 đồng + 21 kỳ hụi sống 14.700.000 đồng trừ tiền đầu thảo 500.000 đồng). Sau khi hốt hụi thì ông T và bà Đ1 không đóng hụi các kỳ hụi thứ 13, 14, 15, 16 và nợ 04 kỳ hụi với số tiền 4.000.000 đồng.

Đến kỳ khui hụi thứ 17 (ngày 10/01/2024), bà Đ1 bỏ hụi 350.000 đồng và số tiền hốt hụi 25.900.000 đồng (gồm 16 kỳ hụi chết và 16 kỳ hụi sống, tiền đầu thảo 500.000 đồng). Nhưng bà Đ1, ông T có nợ hụi nên thỏa thuận trừ tiền nợ hụi 6.750.000 đồng (gồm 4.000.000 đồng tiền nợ hụi của 04 kỳ hụi chết tại chưng hụi thứ nhất đã hốt và số tiền 2.750.000 đồng của 04 kỳ hụi sống không đóng hụi của chưng hụi thứ hai), ông T bà Đ1 có gửi lại 10.000.000 đồng đóng hụi 05 kỳ của 02 chưng hụi đã hốt (kỳ thứ 18, 19, 20, 21, 22), số tiền bà Đ giao cho vợ chồng ông T, bà Đ1 là 9.150.000 đồng.

Đến kỳ hụi thứ 23 (tháng 7/2024) ông T và bà Đ1 tiếp tục không đóng hụi. Ngày 20/11/2024 (kỳ hụi thứ 27), ông T có viết giấy Biên nhận nợ hụi 11 kỳ của hai chưng hụi từ kỳ hụi thứ 23 đến kỳ thứ 33 với số tiền nợ hụi là 22.000.0000 đồng, thỏa thuận trả góp mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng vào ngày 05 hàng tháng và đến tháng 10 năm 2026 thì hết nợ hụi. Nhưng từ khi ký Biên nhận nợ hụi thì ông T, bà Đ1 không trả tiền hụi theo thỏa thuận mà có hành vi đánh bà Đ. Sự việc ông T đánh bà Đ thì Công an xã H có lập biên bản. Nay bà Đ yêu cầu ông T và bà Đ1 trả cho bà Đ và ông T1 tiền nợ hụi từ kỳ hụi thứ 23 đến kỳ thứ 33 với số tiền 22.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bà Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền nợ hụi các kỳ khui hụi 24, 28, 29 của hai chưng hụi với số tiền 6.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Lê Quang T trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2025: Ông T thừa nhận vợ chồng ông T, bà Đ1 có tham gia dây hụi ngày 10/9/2022 (dương lịch) do vợ chồng bà Đ làm chủ hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần vào ngày 10 hàng tháng. Hụi có 33 chưng, vợ chồng ông T bà Đ1 tham gia 02 chưng và đã hốt hết. Ông T thống nhất số tiền hụi đã hốt, ông T thừa nhận có nợ số tiền hụi 22.000.000 đồng và có ký Biên nhận nợ hụi ngày 20/11/2024. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng ông T không có tiền đóng hụi cho bà Đ. Số tiền hốt hụi vợ chồng ông T sử dụng chi tiêu sinh hoạt gia đình. Ông T đồng ý trả nợ cho bà Đ số tiền 22.000.000 đồng và mỗi tháng trả dần số tiền 1.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Bị đơn bà Võ Ngọc Đ1 trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập bà Đ1 tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà Đ1 không

đến Tòa án làm việc hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đồng Thanh T1 thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ đối với ông T và bà Đ1 về yêu cầu số tiền hụi 16.000.000 đồng, buộc ông T và bà Đ1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Đ, ông T1 có tiền hụi 16.000.000 đồng. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ đối với ông T và bà Đ1 về yêu cầu số tiền hụi 6.000.000 đồng là tiền nợ hụi của hai chưng hụi tại các kỳ hụi thứ 24, 28, 29. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông T và bà Đ1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bà Đ khởi kiện ông T và bà Đ1 yêu cầu trả tiền nợ hụi nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T và bà Đ1 có địa chỉ ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã C, tỉnh Cà Mau) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

[2.1] Bị đơn ông T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Đ1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1 đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt T, bà Đ1, ông T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Tại phiên tòa, bà Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền nợ hụi các kỳ khui hụi 24, 28, 29 của hai chưng hụi với số tiền 6.000.000 đồng, Xét thấy, bà Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ đối với ông T và bà Đ1 về yêu cầu trả tiền nợ hụi các kỳ khui hụi 24, 28, 29 của hai chưng hụi với số tiền 6.000.000 đồng.

[3] Về nội dung:

[3.1] Bà Đ và ông T thống nhất xác định ông T và bà Đ1 có tham gia hụi do bà Đ làm chủ hụi, dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 10/9/2022 (dương lịch), mỗi tháng khui một lần, hụi có 33 phần (chưng), bà Đ1 và ông T tham gia 02 chưng và đã hốt hết. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Bà Đ cho rằng dây hụi trên sau khi ông T và bà Đ1 hốt hụi thì ngưng không đóng hụi từ kỳ thứ 23 đến kỳ 33, bà Đ đã đóng thay hụi cho ông T và bà Đ1 tại các kỳ hụi từ kỳ thứ 23 đến kỳ 33 với số tiền hụi của hai chưng hụi là 22.000.000 đồng, cụ thể: Kỳ 23 (ngày 10/7/2024) bà Nguyễn Thị C (L1) hốt hụi, kỳ 24 (ngày 10/8/2024) bà Võ Ngọc T2 hốt hụi, kỳ thứ 25, 32, 33 do bà Nguyễn Thị L hốt hốt, kỳ 26 bà Nguyễn Thị N hốt, kỳ 27 bà Đ hốt, kỳ 28 bà Lâm Linh P hốt, kỳ 29 bà Nguyễn Hồng Y hốt, kỳ 30 bà Huỳnh Thị N1 hốt, kỳ 31 bà Đồng Kim M hốt hụi.

[3.3] Căn cứ khoản 1 Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường quy định: "*Trường hợp đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì thành viên đó có trách nhiệm đối với chủ họ như sau: 1. Hoàn trả số tiền mà chủ họ đã góp thay cho thành viên*".

[3.4] Tại các biên bản xác minh người làm chứng bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L, bà Trịnh Thị N2, bà Huỳnh Thị N1, bà Đồng Kim M đều xác định tham gia chung dây hụi với bà Đ1 và ông T do bà Đ làm chủ hụi, dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 10/9/2022 (dương lịch) và đều đã hốt hụi. Theo quy định trên, bà Đ có chứng cứ chứng minh đã đóng hụi thay cho ông T và bà Đ1 tại kỳ hụi 23, 25, 26, 27, 30, 31, 32, 33 của hai chưng hụi với số tiền 16.000.000 đồng. Lời khai của ông T cũng thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà Đ. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông T còn nợ tiền hụi của bà Đ đối với số tiền hụi của hai chưng hụi tại các kỳ hụi 23, 25, 26, 27, 30, 31, 32, 33 với số tiền 16.000.000 đồng.

[3.5] Xét thấy, lời khai của ông T xác định tiền hụi sử dụng chi tiêu sinh hoạt gia đình. Tại Biên bản xác minh chính quyền địa phương, Trưởng ấp B cũng xác định ông T và bà Đ1 vẫn còn sống chung. Do số tiền nợ hụi phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông T và bà Đ1 nên có căn cứ buộc ông T và bà Đ1 cùng có nghĩa vụ trả cho bà Đ và ông T1 số tiền nợ hụi 16.000.000 đồng.

[4] Đối với tiền lãi của số tiền hụi 16.000.000 đồng, do bà Đ không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với số tiền 6.000.000 đồng tại các kỳ khui hụi thứ 24, 28, 29 của hai chưng hụi dây hụi mở ngày 10/9/2022 (dương lịch) loại hụi 1.000.000 đồng, bà Đ được quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đ1 và ông T phải chịu án phí có giá ngạch 5% của số tiền 16.000.000 đồng do yêu cầu của bà Đ được Tòa án chấp nhận là 800.000 đồng. Bà Đ không phải chịu án phí, bà Đ đã nộp tạm ứng án phí 550.000 đồng tại Biên lai thu số 0004727 ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại số tiền 550.000 đồng.

[7] Từ đó, có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 16, Điều 17, khoản 1 Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Đ đối với ông Lê Quang T và bà Võ Ngọc Đ1, về yêu cầu thanh toán tiền hụi 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

2. Buộc ông Lê Quang T và bà Võ Ngọc Đ1 cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà Võ Thị Đ và ông Đồng Thanh T1 số tiền hụi 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Đ đối với ông Lê Quang T và bà Võ Ngọc Đ1, về yêu cầu thanh toán tiền hụi 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Quang T và bà Võ Ngọc Đ1 phải chịu án phí 800.000 đồng và nộp tại cơ quan thi hành án dân sự. Bà Võ Thị Đ đã nộp tạm ứng án phí 550.000 đồng tại Biên lai thu số 0004727 ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại số tiền 550.000 đồng.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Trang Thảo